



“Đời là vô thường”. Đúng. Rất đúng. Một trăm phần trăm là đúng, như trong kinh Phật “Tất cả đều là vô thường”. Cả trên hai ngàn năm nay, mọi người ngẫm nghĩ và cho rằng câu đó là đúng trong bất cứ hoàn cảnh nào, ngay trong cuộc đời của mọi người. Dầu sao, cái đúng sâu thẳm nhất là cái đúng của sự an ủi, sau một cái gì đó đã rồi, hoặc sẽ xảy ra mà mình chẳng tài nào chạy khỏi. Những câu thường nghe như “lên voi, xuống chó”, “dậu đổ, bìm leo”, đều được hiểu trong cái hiểu của “vô thường”. Dầu gì thì dầu, cho dầu bị bìm leo, cho dầu là chó, thì đành chấp nhận và tự an ủi cho rằng tất cả đều vô thường. Như thế cũng gọi là xong.

Hiểu ngược lại vô thì là có, thường được gọi là “hữu thường”. Nơi nào “Có” thì cố gắng hiểu thêm cái nghĩa thứ hai của nó là “Không”. Hiểu được như thế, mình cảm thấy đôi chút an ổn trong tâm. Kỷ niệm trong đời tôi nơi trường Petrus Ký là một chuỗi “Có” lớn lao nhất. Những kỷ niệm đó, hiện ra khi có đủ duyên, rồi nó lại tồn tại nơi tôi, trong tim tôi, không mất, không biến, không tăng, không giảm, và hiện hữu thường xuyên. Có lẽ các bạn cũng cảm nhận như tôi khi các bạn nhớ về những kỷ niệm cũ khi còn ngồi ghế học ở Trung học. Thật khác hẳn với những lúc mình học ở Đại học, tại Việt

Nam cũng như tại nước ngoài hoặc tại Úc chẳng hạn, tất cả những kỷ niệm tại Đại học, hiện ra rồi chóng tan biến mất. Kể cả những kỷ niệm hồi học Tiểu học cũng ít đậm nét và cũng dễ tan biến như lúc học Đại học. Chỉ có khoảng giữa trong đời học sinh, cái khoảng học trung học, là cái khoảng mà mình ngẫm nghĩ lại, sao mà đáng nhớ như thế. Nhiều người bạn cùng lớp, chỉ được hai khoảng đời trong chuỗi cấp sách đến trường tiểu học trung học, khoảng cuối là ở quân trường, rồi ra tác chiến. Kỷ niệm đậm nét nơi các bạn là những vết tích trên thân thể qua những cuộc chiến sống chết với kẻ thù. Còn tôi, dầu được có trải qua ba khoảng của đời học sinh tiểu học trung học và đại học, nhưng rồi cũng phải vào quân trường, và ra trận chiến chiến đấu bảo vệ quê hương như mọi người. Nhưng chỉ có kỷ niệm nơi khoảng học trung học, vừa nên thơ, vừa đẹp, không thể nào phai mờ trong tim tôi. Còn những kỷ niệm đời lính, sao mà đầy bi thương, đầy phủ phàng và lại chóng quên.

Tôi vẫn nhớ rõ. Vị Thầy được kể đầu tiên là Ông Nguyễn Ngọc Đính. Thầy dạy LÝ HOÁ lớp đệ nhất B. Dáng Thầy mảnh khảnh, mặt xương, trán cao, giọng có âm hưởng của giọng kim. Thầy dạy hay, thuộc lâu từ trong bụng. Thầy có rất nhiều tài,

nhưng lại có một cái tật. Cái tật nó lớn và dễ nhớ hơn là những cái tài của thầy. Tài thì có thể sửa chữa được, nhưng tật thì vô phương, không bỏ được, không sửa được. Cái tật của thầy như sau: Thầy giảng giải sau 15 hay 30 phút, thường hỏi học trò “có hiểu không”. Nhưng vì giọng Thầy phát âm, cái âm hưởng “hiểu” thành “hẻo”. Nửa năm học trôi qua, khi Thầy định bắt đầu hỏi câu mà Thầy đã thường hỏi từ trước, trong mỗi giờ, mọi ngày, học trò cả lớp IB2 la lên “Có hẻo không”. Thầy đỏ mặt, tía tai. Từ đó đến cuối năm, Thầy định hỏi câu đó, mới phát ra chữ “có” thì âm hưởng hai chữ sau, có gì trục trặc, giống như xe lúc lên dốc Đà Lạt, hay chạy về Canberra, bougie đóng trấu, xe chạy cà giựt cà giựt. Xe chạy cà giựt cà giựt cho đến cuối năm, hiện tượng cà giựt đó được gọi là “bất thường”. Danh từ bình dân, gọi là trục trặc, nhưng rồi cũng đến nơi đến chốn. Nếu Thầy không chấp “hẻo” và thừa thắng tiến lên, “có hẻo không” cho tới hết năm thì cái đó vẫn được gọi là cái bình thường trên cái bất thường, làm vui vẻ cả lớp, cả Thầy lẫn trò, làm cho lớp học đồng tiến, tiến nhanh, tiến vững chắc, đầy an toàn. Như vậy, nếu Thầy coi như pha cái bất thường, và biến cái bất thường trở thành bình thường, thì mọi việc vẫn đẹp và vẫn hay hơn mọi cái bình thường khác. Nhưng Thầy thì không, không thể nào vượt qua ranh giới đó được, kết quả là mặt Thầy vẫn đỏ, má Thầy vẫn hồng như quả strawberry đỏ trong Woolworth.

Còn nữa. Vẫn còn có cái gọi là bất thường. Tôi không nhớ rõ tên Thầy dạy, nhưng Thầy có cái tật vô thường là điểm danh học sinh trong lớp đi học bất thường. Việc đó là job của ông Giám thị. Nhưng vì Thầy nghĩ rằng theo triết lý của thế gian là giúp người thì người khác sẽ giúp lại mình. Vì thế Thầy vui vẻ làm và làm rất hăng say. Việc điểm danh kéo dài đến tháng thứ hai, tháng ba gì đó. Lại có một chuyện bất thường xảy ra. Số là, anh bạn trong lớp, quê ở xứ Quảng, có tên tuyệt đẹp được gọi là LẶT. Spell là l ă t nặng. Qui luật điểm danh là nếu thầy

gọi mà học trò có mặt, thì đưa học trò nói là có, không có mặt thì im hoặc không nói. Thầy điểm danh, đến lúc gọi LẶT thì đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cả lớp đều hô lên CỒ. Spell C O hỏi. Thầy ngộ được cái âm hưởng đó, Thầy đỏ mặt tía tai, và vẫn không có cách nào rầy được học trò, nên Thầy áp dụng triết lý “nhị không” nghĩa là thứ nhất không rầy la học trò vì không có lý do để rầy la, thứ hai là thông qua việc điểm danh của anh Lặt nữa, mà chỉ liếc mắt âu yếm nhìn anh, rồi cho qua cầu. Thế lại đúng câu: nhất trò, nhì quỷ, ba ma. Cũng từ câu đó, đâu phải tất cả đều là bình thường như mọi ngày, ngay trong việc điểm danh, vẫn có cái bất thường như trong trường hợp của anh LẶT. Trong cái bình thường có cái bất thường. Nhờ có bất thường, nên có cái gọi là “không thường” là không “không gọi tên Lặt”. Đơn giản có thể hiểu, trong cái có, có cái không. Trong cái không lại có cái không khác. Không không là có. Không không gọi tên Lặt, nghĩa là có anh Lặt. Sắc không không sắc là thế.

Chưa hết, còn thêm nữa. Một vị Thầy khả kính, có tên Pháp là Henrét Poincaré, còn tên Việt là Thầy Trần Văn Bình. Dáng Thầy mảnh khảnh, đặc biệt có màu da đen bóng màu gạch cua. Thầy cắt tóc ngắn, trán cao, bóng láng. Thầy mặc một bộ đồ duy nhất, quần tây trắng, áo sơ mi cụt tay trắng. Nhưng cái trắng của bộ đồ đã ngả thành màu vàng, màu phèn của sông nước Đồng Tháp muôn thuở. Nhìn trán Thầy, học trò nghĩ rằng Thầy là một bậc uyên thâm. Thật vậy, Thầy tự học, đỗ cử nhân Toán đầu tiên ở Sài Gòn, ngạch trật “Đốc Phủ Sứ”. Henri Poincaré là một thiên tài toán học của nước Pháp, thì Thầy Bình là một thiên tài toán học tại Petrus Ký và tại Việt Nam. Tiếc thay, vì Thầy sún răng cả hai hàm, học trò gọi Thầy là Hăng rết là Hết răng. Henret Poincaré là nick name của Thầy là thế. Thầy vẫn hài lòng với tên đó, mà không rầy la, chỉ cười thôi. Có lần Thầy gấn hàm răng giả, đang lúc giảng dạy, nó rớt ra, Thầy chụp lại được và cất luôn, và cũng từ ngày đó, học trò

thường gọi Thầy là Henret Poincaré. Chúng tôi được giỏi toán là nhờ công lao của Thầy. Đặc điểm của Thầy dạy mà một số anh em học với Thầy có một vài điểm như Henri Poincaré, là làm toán trong đầu, vẽ hình trong óc, từ hình học cho đến lượng giác, và chỉ viết kết quả và tính toán trên giấy hay trên bảng đen, khi muốn giải thích cho những bạn muốn hiểu rõ. Vì nếu giỏi toán mà vẽ hình trên giấy là thường. Vẽ trong đầu, trong óc, và chứng minh ào ào mới hay. Chỉ có Thầy hiểu được, và nói cái nào đúng, cái nào sai. Và khi nhiều anh em không hiểu, Thầy mới vẽ ra trên bảng mà giải thích. Hoặc anh bạn nào muốn chứng minh thì lên bảng vẽ lại để chứng minh một cách cụ thể và rõ ràng cho các bạn khác hiểu. Do đó, lớp học 50 người, mà đầu kỳ nhất là 45, kỳ sau là 5. Khi cả lớp đều theo kịp những gì thầy giảng và làm toán giỏi, Thầy bắt đầu kể cho nghe câu chuyện “ấp trứng voi”. Tôi nghĩ rằng Thầy bắt đầu truyền tâm ấn cho học trò giỏi của Thầy. Thầy kể chậm rãi như lúc Thầy giảng dạy, một cách khoan thai, làm cho câu chuyện càng thêm hấp dẫn. Thầy cười đở cả mặt, và mỗi câu nói chỉ còn hai chữ, rồi một chữ. Thầy kể, hai vợ chồng nọ vào trong rừng sâu, sau một thời gian rất lâu, tìm được hai cục đá to, và tròn giống như hai quả trứng khổng lồ. Nhân gian gọi đó là trứng voi. Vợ chồng bồng bế khiêng về, và chia nhau ấp trứng. Lúc đầu bà vợ ấp trước, ông chồng lo cơm nước sớm hôm. 6, 7 tháng sau, ông chồng thay vợ ấp trứng, bà vợ lo cơm nước, và thỉnh thoảng vào thăm trứng và xoay trở trứng cho đều. Một buổi sáng sớm nọ, bà vào thăm trứng, trong lúc loay hoay trở trứng, bà rờ thấy một cái vòi của voi con, bà vui mừng quá nói với chồng là trứng voi nó đã nở rồi, có một cái vòi. Cả lớp cười vang dội cả trường. Nhờ thế mà những đầu óc nào chậm chạp nhất, chậm hiểu nhất, của một ít học trò dở nhất, bỗng trở nên nhanh nhẹn hơn, thông minh hơn đôi chút. Trạng thái đó gọi là “ngộ”. Như thế, có nhiều cách giúp mình ngộ. Ngộ được là bắt đầu làm toán giỏi và giỏi toán và giỏi luôn cả khoa học. Vì thế, học trò của Thầy,

không những giỏi về khoa học, toán học, mà lại còn giỏi về ấp trứng voi, nên tất cả giữ chức vụ lớn trong xã hội. Tục ngữ thường nói, trị nhà rồi mới trị nước, nhà mà an bình thì việc nước cũng an bình. Rất tiếc những vị lãnh đạo thời đó, không phải là học trò của Thầy, chưa được truyền tâm ấn, nên không được xuất sắc cho lắm. Sau 75, nhờ tài ấp trứng, nên một số anh em thử ấp trứng vịt, trứng gà, trứng ngỗng chỉ có 3 đến 5 ngày thay vì 21 ngày, là gà, vịt, ngỗng nở ra cả bầy chiu chút đây nhà.

Những ngày tháng gần đây, vào 2002, Thầy



Thầy Phạm Văn Thới và Thầy Trần Thành Minh

Bình, sức khỏe yếu, không còn nhớ bất cứ điều gì. Tôi nhìn Thầy nằm trên giường sắt trên một chiếc chiếu, tôi khóc. Thầy đào tạo biết bao nhiêu thế hệ, trước tôi, sau tôi, kể cả nhiều thế hệ tại trường Quốc Gia Hành Chánh, bây giờ, Thầy nằm một mình. Một vị bồ tát sau khi độ “chúng sanh học trò” đến nơi đến chốn, Thầy không chấp một điều gì, không mong đợi một điều gì nơi chúng sanh đoái hoài về Thầy, vì Thầy không còn nhớ một điều gì, bất cứ ai, bất cứ đứa học trò nào. Thầy đã mất trí nhớ. Minh có thể nào để Thầy nằm như thế được sao?. Mong thay, các bạn có nghĩ về Thầy, nên giúp Thầy chút ít. (liên lạc về Hội)

Sau cùng, tôi muốn nhắc tới một vị Thầy mà tôi vẫn nhớ mãi trong đời. Thật ra, không phải tất cả các vị Thầy đều trở thành Bồ Tát. Trong Phật giáo cũng thế, không phải tất cả các Thầy, các sư đều trở thành Phật hết. Sự thử thách, do hoàn cảnh, do thời thế, để quý Thầy được thăng cấp cao hơn, hoặc

để giác ngộ và phù trợ chúng sanh “học trò”. Nếu rớt, thì các Thầy không thành Bồ Tát, thì ít ra cũng được thành nhân.

Tôi muốn nói đến vị Giáo-sư PHẠM NGỌC ĐÁNH. Ông dạy triết tại trường Petrus Ký. Học trò học ban toán, nhưng lại thích học triết nơi Ông, không phải vì được Ông giải thích rành mạch dễ thông hiểu các tư tưởng của các triết gia nổi danh vào thời đó, mà là vì tại nơi Ông có một cái gì khác thường hơn người: rất chân thật, thương yêu học trò, bộc trực và không sợ bất cứ điều gì trên đời này. Đi đến đâu, Ông cũng được mọi người tiếp đón như một bậc chân tu. Tóc Ông bây giờ đều bạc trắng cùng màu trắng của đôi chân mày của Ông. Ông thường khuyên mọi người nên :

“buông ra” hãy “buông ra” tất cả,
để rửa sạch hết tạm giả
cho rộng gánh đường xa
để thấy được cái “GIÁC” nơi ta,

Khi nói về chuyện đời, Ông nói chuyện rất ví von, ngắn gọn, mực thước và duyên dáng. Nghe Ông kể chuyện vui, không ai có thể nín cười được. Gần Ông, người ta cảm thấy có một điều gì an ổn nơi tâm.

Khi tôi còn ở đảo Galang, Ông có biên thư cho tôi và nói nên tu đi kẻo trễ, và gửi cho tôi một bản BÁT NHÃ TÂM KINH, tôi đã miệt mài nghe, học, tu, luyện mỗi ngày. Cũng nhờ đó, tôi cũng tìm thấy được phần nào nơi tâm tôi, là niềm an bình.

Ông Đánh và gia đình được qua Tây Đức (West Germany). Ông làm việc cho Hội Hồng Thập Tự, trong vai trò một thông dịch viên. Và một sự thôi thúc nào đó để đạt được cái ngộ nội tâm. Ông đã đi tu và lập một chùa thờ Phật tại Berlin.

Giáo sư Đánh, bỗng nhiên đạt được cái “NGỘ” của Bạc BỔ TÁT, Ông đạt được cái tự tại nơi Ông. Cái điềm nhiên tự tại đó là cái mà ông đã được triết gia Nietzsche,

một đại triết gia người Đức vĩ đại nhất, truyền tâm ấn cho ông, sau khi Nietzsche diện bích được 9 năm trời, không nói, không viết. Cái điềm tĩnh đó, ông đã ngộ được khi đọc kinh Phật, qua bài “Sư tử hống”. Cái điềm nhiên tự tại đó, ông được khai huệ qua bài BÁT NHÃ TÂM KINH “sắc tức thị không, không tức thị sắc” và được vị sư Lục Tổ Huệ Năng truyền tâm ấn “Vô trụ sở trụ, sinh nhi kỳ tâm”. Tất cả những thứ trên đã làm cho ông, trở thành bất tử. Có nghĩa là, ông sống hoặc chết đều bất tử. Khi Ông đã được truyền TÂM ẤN rồi, những tư tưởng của các triết gia mà Ông đã học để dạy học trò đã trở thành lỗi thời, Ông bỏ nó trong học tủ, rồi niệm phong lại và cho nó đi vào thế giới vô định, bằng cách hòa tan..

Có một điều là, nhà sư “Bác Năm” lập chùa mà chưa biết tụng kinh. Các bạn sẽ cười, cho rằng Ông triết gia này “ hững”. Hững làm điều này, điều kia. Tôi thì cho rằng, ngày xưa Lục Tổ đâu có biết chữ, đâu có thuộc kinh, đâu được vào chùa tu học, chỉ ở ngoài lo giã gạo nấu cơm, quét sân chùa, gọi là labor job, vì Lục Tổ đã học nhiều nhiều kiếp trước rồi, cần gì phải học kiếp này. Chưa biết mới học. Học rồi, thành rồi, thì kiếp này là THÀNH PHẬT. Bác Năm cũng thế, học nhiều kiếp rồi, nên quên cả kinh kệ, vì còn nhớ kinh là chưa hiểu kinh, vì còn nhớ kệ là cần hiểu thêm về kệ, là còn học; còn Ông, kiếp này Ông mới “ngộ”. Vì lẽ ngộ được điều của Lục Tổ Huệ Năng, “Vô trụ sở trụ” và “Sở trụ vô trụ” nên Ông thường được gọi là Bác Năm, chứ không phải là Tỳ Kheo, Đại đức, Thượng toạ.v.v... và chùa của Ông là chùa đất nhưng Phật bằng vàng (lời của Ý lan), khác với những chùa khác, có lớn và kiên cố nhưng Phật chỉ bằng ciment hay bằng thạch cao. Ông đã giúp hàng trăm, ngàn hạng người nghèo khổ từ Đông Bá Linh chạy qua, qua những buổi cơm chay do chính ông nấu đầy những hạt giống tâm từ của vị Bồ Tát nơi ông. Tôi có một đứa cháu, đã ngộ được đạo Phật, cũng nhờ ông. Học sinh Petrus Ký, rất hãnh diện có một vị giáo sư Triết học, vừa là một kẻ sĩ chân

chính, và cũng là một nhà sư đốn ngộ, đã nhìn thấy tâm của mình. Quý vị lại hỏi tôi, làm sao mình biết được nhà sư đã “ngộ”. Tôi xin thưa như thế này: “không làm, không nghĩ về điều bậy cho bất cứ ai, là đã có “tâm từ”. Ngăn cản kẻ khác khi họ làm điều bậy để hại người khác, bảo vệ kẻ cô thế là có tâm bồ tát trong người – Chỉ dạy một người mà người đó thuộc loại “gộc”, về những gì cần phải làm đúng, nghĩ đúng, thì người dám làm việc đó là bậc bồ Tát đã ngộ. Chưa ngộ thì không dám nói, mà lại nói là bị ăn đòn

Tôi đã chứng kiến tại Cần Thơ, nhiều người dùng búa tạ đập bể đầu tượng cụ Phan Thanh Giản. Tôi khóc khi nhìn thấy thế. Cụ là một kẻ sĩ chân chính, yêu nước, bảo vệ đất nước, từng tác đất, bảo vệ không xong, Cụ tự vẫn. Cụ không bán nước. Tại sao họ lại làm như thế. “Thành tựu hoại diệt” chỉ áp dụng cho những sinh vật hữu sinh. Khi đã diệt rồi, rồi bị diệt nữa, thì phải hiểu thêm rằng đó là do sự ngu xuẩn của một lớp người đầy áp thiên kiến một chiều.

Tôi trở về trường Petrus ký, cụ Petrus Ký hiện ra nơi cổng trường và ôn tồn bảo tôi “Con muốn hỏi đến trường hợp của qua”. Cụ bình thản tươi cười và vỗ vào vai tôi mà nói chậm rãi “tất cả đều là vô thường”.

Sau khi nghe xong, tôi đi vòng vòng từ Cộng Hòa, Nguyễn Hoàng, Trần Bình Trọng, đại lộ Thành Thái, mỗi bước đi tôi đều lẩm bẩm “tất cả đều vô thường”. Và tôi miên man nghĩ về những kỷ niệm của tôi với trường Petrus Ký, rồi theo qui luật vô thường, nó cũng sẽ “có mặt” nơi cõi vĩnh hằng tịnh mịch, và “Không” trong thế giới này “Không” ở đây và “Có” ở chỗ kia; “Có” ở đây và “Không” ở chỗ khác; “Có” đây và “Không” đây; “Không” đây và “Có” đó; tất cả đều là “vô thường.”.

Duy chỉ còn là kỷ niệm để nhớ để thương.

Tháng 11/02

**Non cao Greenacre.
Sydney. Australia
BÙI THẾ TRƯỜNG**

